TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1506/2019/DSST
Ngày: 28/10/2019
V/v Tranh chấp về thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.
Bà Phan Thanh Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Lê Quỳnh Anh – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà Hà Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/10/2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2016/DSST, ngày 18 tháng 7 năm 2016; về "Tranh chấp về thừa kế".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 4202/2019/QĐ-ST ngày 16/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8107/QĐ-ST ngày 08/10/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: **Bà Yao Hsueh J (Đào Tuyết N)**; sinh năm 1970.
Địa chỉ: 47 L 173 S, 1 KH Road, AN, Taiwan.
Đại diện theo uỷ quyền: Bà Lê Thị L; sinh năm 1992. (xin vắng mặt)
Địa chỉ: 932 THĐ, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Việt C – Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định. (có mặt)

2. Bị đơn: **Ông Đào Thanh B;** sinh năm 1978. (có mặt)
Địa chỉ: 170 LTBC, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1 Ông Đào Văn X; sinh năm 1962. (xin vắng mặt)
3.2 Bà Đào Tuyết M; sinh năm 1964. (xin vắng mặt)
3.3 Bà Đào Nguyệt Q; sinh năm 1966. (xin vắng mặt)
3.4 Ông Đào Thanh H; sinh năm 1968. (xin vắng mặt)
3.5 Ông Đào Q1; sinh năm 1972. (xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: 168/25/10 LTBC, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
3.6 Ông Đào Văn M1; sinh năm 1974. (xin vắng mặt)
3.7 Ông Đào Thanh H1; sinh năm 1976. (xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: 170 LTBC, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8 Ông Lưu L1; sinh năm 1957.

Địa chỉ: 172 LTBC, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc H2; sinh năm 1983. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 94-96 TQ, Phường S, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.9 Văn phòng Công chứng HN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 230 Đường số 48, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.10 Phòng Công chứng H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Mai T1. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 94-96 NQ, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Phía nguyên đơn trình bày (theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Lê Thị L (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/12/2016):

Bà Đào Tuyết N là con ruột của ông Đào M2 và bà Trần Thị P theo trích lục khai sinh số hiệu 960 ngày 02/03/1970 của Tòa hành chánh Quận 10.

Nguồn gốc nhà đất tại địa chỉ 170 LTBC, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông Đào M2 và bà Trần Thị P theo Giấy phép mua bán nhà số 298/GP.UB được Uỷ ban nhân dân Quận M cấp ngày 26/02/1992.

Ngày 03/02/2009 ông Đào M2 chết theo Giấy chứng tử số 11, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận M cấp, các đồng thừa kế của ông M2 là các ông (bà) Trần Thị P, Đào Văn X, Đào Tuyết M, Đào Nguyệt Q, Đào Thanh H, Đào Q1, Đào Văn M1, Đào Thanh H1, Đào Thanh B đã kê khai di sản thừa kế theo Văn bản ghi nhận thừa kế ngày 15/11/2010 tại Văn phòng Công chứng HN, Thành phố Hồ Chí Minh danh sách các đồng thừa kế gồm có 09 người (trừ bà N).

Sau khi kê khai thừa kế, các ông (bà) Trần Thị P, Đào Văn X, Đào Tuyết M, Đào Nguyệt Q, Đào Thanh H, Đào Q1, Đào Văn M1, Đào Thanh H1, Đào Thanh B đã tiến hành thế chấp căn nhà 170 LTBC, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 2504.11/HĐTC ngày 28/01/2011 tại Phòng Công chứng H Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 14/04/2013 bà Trần Thị P chết theo Giấy chứng tử số 35, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận M cấp ngày 15/4/2013.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

Chia thừa kế đối với căn nhà 170 LTBC, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, xin nhận nhà để thờ cúng ông bà và sẽ trả lại phần giá trị thừa kế bằng tiền cho các đồng thừa kế còn lại, mỗi đồng thừa kế là 200.000.000 đồng. Bà N xác nhận giá trị căn nhà là 4.000.000.000 đồng.

Hủy Văn bản khai nhận thừa kế ngày 15/11/2010 tại Văn phòng Công chứng HN, Thành phố Hồ Chí Minh và Hủy Hợp đồng thế chấp số 2504.11/HĐTC ngày 28/01/2011 tại Phòng Công chứng H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn - ông Đào Thanh B trình bày:

Nguồn gốc căn nhà 170 LTBC, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cũng như các đồng thừa kế như đúng phía nguyên đơn trình bày. Bà Đào Tuyết N là con ruột của ông Đào M2 và bà Trần Thị P, vì bà N đi làm ăn xa nên gia đình đã bỏ tên bà N ra khỏi danh sách khi tiến hành kê khai thừa kế và thế chấp căn nhà cho ngân hàng.

Hiện nay căn nhà 170 LTBC, Phường M, Quận M đang bị Cơ quan thi hành án, kê biên, phát mãi theo Quyết định thi hành án số 45/QĐ-CCTHA ngày 30/12/2015 và Quyết định cưỡng chế giao nhà số 24/QĐ-CCTHADS ngày 27/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận MM để giao nhà cho ông Lưu L1.

Bị đơn đồng ý với các yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông (bà) Đào Văn X, Đào Tuyết M, Đào Nguyệt Q, Đào Thanh H, Đào Q1, Đào Văn M1, Đào Thanh H1 chấp nhận thỏa thuận và bồi thường cho bên mua nhà là ông L1.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Các ông (bà) Đào Văn X, Đào Tuyết M, Đào Nguyệt Q, Đào Thanh H, Đào Q1, Đào Văn M1, Đào Thanh H1 đều có cùng lời khai như phía bị đơn.

2. Ông Lưu L1 – đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Ngọc H2 trình bày:

Ông Lưu L1 là người đã đăng ký và trúng đấu giá căn nhà 170 LTBC, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 25/3/2016 với số tiền 3.150.000.000 đồng.

Ông Lưu L1 đã nhận được Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 27/16/HĐ-BĐG với người có tài sản là Chi cục Thi hành án dân sự Quận MM và Quyết định giao tài sản số 145/QĐ-CCTHADS ngày 22/4/2016.

Ông L1 không có liên quan đến vụ tranh chấp thừa kế trong gia đình của bà Đào Tuyết N. Đến nay phía ông L1 đã giao đủ tiền và nhận được nhà. Ông yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông và giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

3. Văn phòng Công chứng HN, Thành phố Hồ Chí Minh có ông Nguyễn Văn T đại diện theo pháp luật có Bản tự khai trình bày:

Căn cứ theo hồ sơ lưu trữ, Văn phòng Công chứng HN nhận định rằng việc chứng nhận Văn bản khai nhận di sản thừa kế số công chứng 10104921 đã tuân thủ đúng quy trình và các quy định pháp luật, về các lý do khác của việc yêu cầu hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế số công chứng 10104921 nếu

không liên quan đến thủ tục công chứng thì Văn phòng Công chứng HN không có ý kiến, xin vắng mặt tại phiên tòa.

4. Phòng Công chứng H, Thành phố Hồ Chí Minh có bà Phan Thị Mai T1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào thời điểm công chứng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3, số công chứng 003432, quyển số 1 ngày 28/01/2011 giữa bên thế chấp là các ông (bà) Trần Thị P, Đào Văn X, Đào Tuyết M, Đào Nguyệt Q, Đào Thanh H, Đào Q1, Đào Văn M1, Đào Thanh H1, Đào Thanh B; bên nhận thế chấp là ngân hàng MH – Chi nhánh Sài Gòn – PGD NTT và bên vay vốn là Công ty TNHH Thương mại xây dựng sản xuất QMP, công chứng viên đã thực hiện việc công chứng phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

Do hồ sơ lưu trữ thể hiện rõ việc công chứng hợp đồng nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật vào thời điểm công chứng, nên Phòng công chứng H, Thành phố Hồ Chí Minh không có ý kiến gì thêm. Trường hợp phát sinh tình tiết mới đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Phòng công chứng H xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trình bày trước đây.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – Luật sư Trần Việt C phát biểu: các đồng thừa kế đã khai không trung thực khi khai nhận di sản, đã thế chấp nhà không có mặt bà N là trái pháp luật. Nay phía nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế phần bà N, đề nghị hủy các văn bản kê khai di sản, hợp đồng thế chấp, các quyết định Thi hành án, bán đấu giá của cơ quan Thi hành án.

Bị đơn – ông Đào Thanh B trình bày: chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn về việc xin hủy văn bản kê khai di sản, hợp đồng thế chấp và đồng ý chia thừa kế cho bà N một phần theo giá trị căn nhà đã bán đấu giá.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Các ông (bà) Đào Văn X, Đào Tuyết M, Đào Nguyệt Q, Đào Thanh H, Đào Q1, Đào Văn M1, Đào Thanh H1, Văn phòng Công chứng HN và Phòng Công chứng H, Thành phố Hồ Chí Minh đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến kết luận:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa sơ thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế và hủy văn bản kê khai di sản thừa kế, bác yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn nhà 170 LTBC, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của vợ chồng ông Đào M2 và bà Trần Thị P. Ông M2 chết ngày 03/02/2009, bà P chết ngày 14/4/2013. Các con của ông M2 và bà P là:

1. Đào Văn X.
2. Đào Tuyết M.
3. Đào Nguyệt Q.
4. Đào Thanh H.
5. Đào Q1.
6. Đào Văn M1.
7. Đào Thanh H1.
8. Đào Thanh B.
9. Đào Tuyết N.

Năm 2010, bà Trần Thị P cùng 08 người con có tên nêu trên (trừ bà Đào Tuyết N do đi làm ăn xa) đã đến Văn phòng Công chứng HN, Thành phố Hồ Chí Minh để kê khai di sản thừa kế của ông Đào M2 để lại là ½ căn nhà 170 LTBC, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó bà P và 08 người con nêu trên (không có bà N) đã thế chấp căn nhà trên cho ngân hàng MH– Chi nhánh Sài Gòn – PGD NTT để đảm bảo cho hợp đồng vay tiền của Công ty TNHH Thương mại xây dựng sản xuất QMP. Do không trả được nợ, nên ngân hàng MH – Chi nhánh Sài Gòn – PGD NTT khởi kiện ra Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 26/6/2012 của Tòa án nhân dân Quận 11 giữa ngân hàng MH – Chi nhánh Sài Gòn – PGD NTT và các đương sự (Đào Văn X, Đào Tuyết M, Đào Nguyệt Q, Đào Thanh H, Đào Q1, Đào Văn M1, Đào Thanh H1, Đào Thanh B, Trần Thị P) đã thống nhất đến ngày 30/9/2012, Công ty TNHH Thương mại xây dựng sản xuất QMP phải trả số tiền gốc và lãi là 3.043.125.192 đồng. Nếu hết thời hạn ngày 30/9/2012 không trả thì Công ty TNHH Thương mại xây dựng sản xuất QMP cùng bà P và 08 người con là các ông (bà) Đào Văn X, Đào Tuyết M, Đào Nguyệt Q, Đào Thanh H, Đào Q1, Đào Văn M1, Đào Thanh H1, Đào Thanh B đồng ý phát mãi tài sản là căn nhà 170 LTBC, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh để trả nợ cho ngân hàng.

Trong quá trình thi hành án, tài sản nêu trên đã được Cơ quan Thi hành án kê biên và đưa ra bán đấu giá theo luật định vào ngày 25/3/2016 và người mua trúng đấu giá là ông Lưu L1 với giá là 3.150.000.000 đồng. Ông Lưu L1 đã giao

đủ tiền và nhận được nhà, cùng với việc làm giấy tờ chủ quyền căn nhà mua đấu giá trên.

Đối với yêu cầu hủy Văn bản công chứng về việc khai nhận di sản thừa kế của Văn phòng Công chứng HN và việc yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp tại Phòng Công chứng H của nguyên đơn, xét thấy:

Chiếu theo Mục I.2 và Mục III của Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 15/11/2010 ghi rõ: "Chúng tôi xin cam đoan những điều chúng tôi khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, ngoài chúng tôi, những người có tên nêu trên, ông Đào M2 không có người thừa kế nào khác"… "Nếu có phát sinh bất kỳ tranh chấp nào … đặc biệt là nếu có người nào khác yêu cầu hưởng thừa kế thì chúng tôi … đồng ý liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật bằng chính tài sản này của mình". Đồng thời căn cứ Điều 662 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về trường hợp có người thừa kế mới thì trường hợp này không thể hủy. Việc bà P cùng 08 người con đã không khai bà N là con ông Đào M2 và bà P do bà N đi làm ăn xa và đi thế chấp tài sản là không đúng. Tuy nhiên những người này đã cam kết liên đới chịu trách nhiệm bằng tài sản riêng của mình nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N.

Xét yêu cầu của bà N đòi chia 01 phần thừa kế trị giá 200.000.000 đồng, sau đó thay đổi ý kiến đòi nhận nhà và hoàn tiền lại cho các đồng thừa kế khác:

Xét ông Đào M2 và bà Trần Thị P sinh thời có 09 người con như đã nêu trên. Căn nhà 170 LTBC, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của ông Đào M2 và bà Trần Thị P chết để lại. Do đó di sản của ông M2 để lại là ½ giá trị căn nhà, căn nhà này đấu giá được 3.150.000.000 đồng, do ông Đào M2 không để lại di chúc nên được phân chia theo pháp luật.

Phần của ông Đào M2 cụ thể là 1.575.000.000 đồng được chia cho 09 người con và bà P (lúc bà P còn sống và kê khai di sản thừa kế), vì vậy mỗi kỷ phần là 157.500.000 đồng. Ngày 14/4/2013, bà P chết, phần di sản của bà P trong nhà 170 LTBC, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã bị kê biên đấu giá để thi hành án nên di sản của bà P trong căn nhà không còn (lúc còn sống bà P đã định đoạt phần tài sản của mình).

Căn cứ vào cam kết của 08 người con ông Đào M2 trong văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 15/11/2010 tại Văn phòng Công chứng HN, có căn cứ buộc các ông (bà) Đào Văn X, Đào Tuyết M, Đào Nguyệt Q, Đào Thanh H, Đào Q1, Đào Văn M1, Đào Thanh H1, Đào Thanh B liên đới chịu trách nhiệm hoàn lại kỷ phần thừa kế của ông Đào M2 cho bà Đào Tuyết N là 157.500.000 đồng.

Việc bà N yêu cầu được nhận di sản là nhà và hoàn tiền cho các thừa kế khác là không có cơ sở để xem xét.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng các đồng thừa kế đã không trung thực khi kê khai thừa kế và mang tài sản đi thế chấp. Bà N yêu cầu được hưởng thừa kế của cha trong căn nhà 170 LTBC,

Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng phải làm rõ văn bản kê khai di sản, hợp đồng thế chấp, kết quả đấu giá, quyết định thi hành án đã đúng pháp luật chưa.

Đối với yêu cầu trên của Luật sư, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần đối với yêu cầu chia thừa kế và buộc các đồng thừa kế khác phải hoàn lại cho nguyên đơn. Các yêu cầu khác của phía luật sư nêu ra không có căn cứ pháp lý nên không được chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Đây là vụ án thừa kế, bà N được hưởng thừa kế là 157.500.000 đồng nên phải chịu án phí trên số tiền được hưởng theo quy định pháp luật là 7.875.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 649, 650, 651, 662, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sư 2015;

Căn cứ Điều 26, 37, 264, 266, 267, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – bà Đào Tuyết N về việc được hưởng di sản của ông Đào M2 chết để lại đối với căn nhà 170 LTBC, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bác yêu cầu của bà Đào Tuyết N về việc hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 15/11/2010, số công chứng 10104921, quyển số 1 của Văn phòng Công chứng HN, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu hủy Hợp đồng thế chấp số công chứng 003432, quyển số 1 ngày 28/01/2011 của Phòng Công chứng H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các ông (bà) Đào Văn X, Đào Tuyết M, Đào Nguyệt Q, Đào Thanh H, Đào Q1, Đào Văn M1, Đào Thanh H1, Đào Thanh B liên đới chịu trách nhiệm hoàn lại kỷ phần thừa kế của ông Đào M2 cho bà Đào Tuyết N là 157.500.000 đồng (Một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm nghìn đồng) sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các ông (bà) Đào Văn X, Đào Tuyết M, Đào Nguyệt Q, Đào Thanh H, Đào Q1, Đào Văn M1, Đào Thanh H1, Đào Thanh B chưa thi hành thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đào Tuyết N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 7.875.000 đồng (Bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo Biên lai thu số 03104 ngày 14/7/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N còn phải nộp 2.875.000 đồng (Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu/30.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đình Đức